BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 145/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (sau đây gọi là Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ), gồm: nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, công thương, xây dựng, lao động, thương binh và xã hội, tư pháp, sự nghiệp khác.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, văn hoá thể thao và du lịch, thông tin truyền thông và báo chí, khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác) do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có), được áp dụng quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, các quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 3. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật của từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật của từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành và lộ trình tính đủ chi phí theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp lựa chọn đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu theo quy định.

Trường hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá, thực hiện đặt hàng cho đơn vị; kinh phí Nhà nước đặt hàng là nguồn chi thường xuyên của đơn vị.

Trường hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá, thực hiện giao nhiệm vụ cho đơn vị theo dự toán được phê duyệt như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên.

2. Giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước

Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện; được quyết định giá dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường

(trừ trường hợp dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn và pháp luật khác), quyết định khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích luỹ theo quy định.

3. Phí dịch vụ sự nghiệp công

Phí và danh mục phí dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được cấp có thẩm quyền giao thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với từng danh mục phí.

Điều 4. Điều kiện phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí theo pháp luật phí và lệ phí, tự bảo đảm chi thường xuyên và có nguồn trích khấu hao tài sản cố định từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định.

c) Đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường.

2. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí theo pháp luật phí và lệ phí, tự bảo đảm chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định.

3. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí theo pháp luật phí và lệ phí, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định.

4. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đơn vị không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp, chi thường xuyên được bảo đảm từ các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao phục vụ quản lý nhà nước, không cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 5. Phân loại mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao: Dịch vụ tư vấn, thiết kế, quy hoạch, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản, giao thông, công thương, xây dựng, tài nguyên môi trường, lao động, việc làm, bảo trợ xã hội, dịch vụ sự nghiệp khác; các nguồn thu hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (bao gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nếu có);

b) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí hoặc chưa tính đủ chi phí theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (sau đây gọi là Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ);

đ) Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có), gồm: Tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi thường xuyên

a) Chi tiền lương cho cán bộ, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Chi quản lý;

d) Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Chi trích khấu hao tài sản cố định theo quy định;

e) Chi thường xuyên khác (nếu có).

3. Phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính

a) Cách xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên:

Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) = (Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên/Tổng số chi thường xuyên) x 100%.

Trong đó:

- Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên là các nguồn tài chính tại Điểm a, b, d, đ Khoản 1 Điều này.

- Tổng số chi thường xuyên là các nội dung chi thường xuyên tại Khoản 2 Điều này.

- Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên và tổng số chi thường xuyên được tính theo dự toán thu, chi của năm đầu thời kỳ ổn định.

b) Căn cứ mức tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Điểm a Khoản 3 của Điều này, phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác như sau:

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức tại Điểm a Khoản 3 Điều này lớn hơn 100% và tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức tại Điểm a Khoản 3 Điều này bằng hoặc lớn hơn 100%.

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức tại Điểm a Khoản 3 Điều này từ trên 10% đến dưới 100%.

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức tại Điểm a Khoản 3 Điều này từ 10% trở xuống hoặc đơn vị không có nguồn thu.

Chương II
TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC

Mục 1
Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Điều 6. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi đầu tư

Đơn vị được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (bao gồm nguồn trích quỹ khấu hao tài sản cố định theo quy định); nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để chi đầu tư, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ yêu cầu phát triển của đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Nhà nước xem xét bố trí vốn cho các dự án đầu tư đang triển khai, các dự án đầu tư khác cho đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Chi thường xuyên

Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này để chi thường xuyên, một số nội dung chi được quy định cụ thể như sau:

a) Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; hoạt động dịch vụ khác, gồm: Chi tiền lương; tiền công; phụ cấp lương; các khoản đóng góp theo chế độ quy định hiện hành; chi nghiệp vụ chuyên môn; dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, liên lạc, tuyên truyền; công tác phí; khấu hao tài sản cố định; sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, máy móc, thiết bị; chi thuê mướn; chi quản lý; các khoản chi khác (kể cả các khoản chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định).

Về chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

Trích khấu hao tài sản cố định theo chế độ quy định hiện hành: Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, tối thiểu bằng mức chi phí khấu hao kết cấu trong đơn giá theo quy định. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay dùng để trả nợ; trường hợp đã trả đủ tiền vay, số còn lại bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

b) Chi thường xuyên trang trải chi phí thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ chi không thường xuyên (gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ; kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; các chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư đang triển khai dở dang, các dự án đầu tư khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao); chi từ nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên tại Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ (nếu có); chi từ nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật và chi từ nguồn khác (gồm: Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của cán bộ, viên chức trong đơn vị; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

theo quy định của pháp luật; nguồn khác nếu có) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí.

Điều 7. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, mức trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị.

Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ làm cơ sở để tính trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trong năm của đơn vị, bao gồm:

- Tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp: Tính trên cơ sở hệ số lương, hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) do Nhà nước quy định của số lượng người làm việc trong đơn vị theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và mức tiền lương cơ sở do Chính phủ quy định; tiền lương của lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên.

- Tiền lương tăng thêm do nâng bậc lương theo niên hạn và nâng bậc lương trước thời hạn của đơn vị theo quy định (nếu có).

3. Đối với Quỹ bổ sung thu nhập

a) Cơ sở tính trích lập Quỹ bổ sung thu nhập căn cứ quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Về thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm

Căn cứ dự toán thu, chi của năm; kết quả hoạt động tài chính quý trước (trong trường hợp quý đầu tiên của năm kế hoạch, đơn vị căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính của quý IV năm trước liền kề), nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, đơn vị tự xác định chênh lệch thu, chi thường xuyên, thực hiện tạm trích Quỹ bổ sung thu nhập hàng quý (tối đa không vượt quá 70% số chênh lệnh thu lớn hơn chi đơn vị xác định được theo quý) để chi thu nhập tăng thêm cho từng người lao động hàng tháng theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Kết thúc năm ngân sách, trước ngày 31 tháng 01 năm sau, đơn vị xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi và trích lập các Quỹ theo quy định. Trong đó đối với Quỹ bổ sung thu nhập: Trường hợp số đã tạm chi trước thu nhập tăng thêm của đơn vị vượt quá số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, số chi vượt phải trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập của năm trước còn dư (nếu có) và số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của đơn vị; nếu vẫn còn thiếu thì trừ vào nguồn Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi của năm sau hoặc trừ vào Quỹ tiền lương năm sau của đơn vị (nếu các Quỹ khác không còn nguồn). Trường hợp số đã tạm chi thấp hơn số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định, đơn vị chi trả tiếp thu nhập tăng thêm cho người

lao động hoặc để dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Sau khi quyết toán năm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp số được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập theo quy định có thay đổi (tăng hoặc giảm) so với số đơn vị xác định khi kết thúc năm ngân sách, đơn vị có trách nhiệm điều chỉnh lại số trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, tương tự như khi kết thúc năm ngân sách nêu trên và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Đối với Quỹ khác chỉ được trích lập khi pháp luật chuyên ngành lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác quy định cho phép đơn vị được trích lập, mức trích lập quỹ và sử dụng quỹ theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp không quy định, đơn vị không được trích lập.

Mục 2
Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên

Điều 8. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này để chi thường xuyên. Các nội dung chi (bao gồm chi tiền lương, trích khấu hao tài sản cố định hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác), thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ chi không thường xuyên (bao gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nếu có); từ nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có); từ nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ và chi từ nguồn khác, theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 9. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên, trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Cơ sở trích lập các Quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 của Thông tư này.

Mục 3
Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

Điều 10. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này, để chi thường xuyên theo các nội dung

quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này; khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định, trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

2. Chi từ nguồn ngân sách cấp cho các nhiệm vụ chi không thường xuyên (bao gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nếu có); từ nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có); từ nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ và chi từ nguồn khác, theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

Điều 11. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên, trích lập các Quỹ và sử dụng các Quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Cơ sở trích lập các Quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 của Thông tư này.

Mục 4
Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

Điều 12. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được sử dụng nguồn tài chính quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này để chi nhiệm vụ được giao, gồm: Chi tiền lương; tiền công; phụ cấp lương; các khoản đóng góp theo chế độ quy định hiện hành; chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, liên lạc, tuyên truyền; công tác phí; chi nghiệp vụ chuyên môn; sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, trang thiết bị của đơn vị; mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, viên chức theo quy định; sơ kết, tổng kết; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; thuê mướn (nếu có); chi quản lý; các khoản chi khác.

Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, ngân sách nhà nước cấp bổ sung tiền lương tăng thêm, sau khi đã trừ các nguồn bảo đảm tiền lương tăng thêm theo quy định.

2. Chi từ nguồn ngân sách cấp cho các nhiệm vụ chi không thường xuyên (bao gồm vốn đầu tư phát triển, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nếu có); từ nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ và chi từ nguồn khác: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Thông tư này.

Điều 13. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Cơ sở trích lập các Quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 7 của Thông tư này.

Mục 5
Tự chủ trong giao dịch tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ và điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

Điều 14. Tự chủ trong giao dịch tài chính

1. Mở tài khoản giao dịch: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác mở tài khoản giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Vay vốn, huy động vốn

a) Về vay vốn, huy động vốn:

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên và tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp công, tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được vay vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Về chi trả nợ tiền vay, tiền huy động vốn của cán bộ, viên chức:

- Khi thực hiện vay vốn của tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức (theo hình thức vay), đơn vị có trách nhiệm chi trả nợ vay (cả gốc và lãi) theo hợp đồng vay vốn theo quy định của các tổ chức tín dụng, theo hợp đồng vay của cán bộ, viên chức;

- Nguồn chi trả lãi tiền vay, lãi tiền huy động vốn được tính trong chi phí của các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công do các khoản vay đầu tư mang lại.

Trường hợp huy động vốn theo hình thức cán bộ, viên chức cùng tham gia góp vốn với đơn vị và được hưởng lãi phụ thuộc vào tỷ lệ vốn góp, thì việc trả tiền lãi được chi trả từ tiền lãi của hoạt động dịch vụ đó, không được tính vào chi phí hoạt động dịch vụ.

c) Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, đơn vị phải có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, cả gốc và lãi theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

Điều 15. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

1. Để chủ động sử dụng kinh phí chi thường xuyên đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, đơn vị có trách nhiệm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ để cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện; làm căn cứ để Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi và các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo dõi, kiểm tra theo quy định.

2. Nội dung quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong đơn vị, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả và tăng cường công tác quản lý.

Đối với những nội dung chi, mức chi cần thiết cho hoạt động của đơn vị trong phạm vi nội dung quy chế chi tiêu nội bộ nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành thì Thủ trưởng đơn vị có thể xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc trong phạm vi nguồn tài chính chi thường xuyên của đơn vị. Nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng đơn vị ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn; đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thủ trưởng đơn vị căn cứ tính chất công việc, khối lượng sử dụng, tình hình thực hiện năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận, đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc sử dụng như: sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, xăng xe, điện, nước, công tác phí và các khoản khoán khác; kinh phí tiết kiệm do thực hiện khoán được xác định chênh lệch thu, chi và được phân phối, sử dụng theo chế độ quy định.

5. Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định, trừ các khoản được thực hiện khoán theo quy chế chi tiêu nội bộ (như thanh toán văn phòng phẩm, thanh toán công tác phí được thực hiện chế độ khoán; thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động hàng tháng theo hướng dẫn hiện hành và các khoản khoán khác theo quy định nếu có).

6. Một số tiêu chuẩn, định mức và mức chi đơn vị phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, gồm: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

7. Chế độ quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ chi không thường xuyên, nguồn thu phí để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên, nguồn vay nợ, viện trợ, nguồn khác (nếu có), đơn vị phải thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí.

Điều 16. Điều kiện, nội dung đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

Điều kiện, nội dung đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), xây dựng đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, thẩm quyền quyết định đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III
LẬP, CHẤP HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI

Điều 17. Lập dự toán

Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác lập dự toán theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và chưa có đơn giá được cấp có thẩm quyền ban hành, đơn vị lập dự toán kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo số lượng, khối lượng và dự toán chi theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 18. Phân bổ và giao dự toán

1. Việc phân bổ và giao dự toán của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và quy định tại Thông tư này.

2. Phân bổ và giao dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:

a) Căn cứ lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 10 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, các Bộ, cơ quan Trung ương hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp (đối với các đơn vị trực thuộc Trung ương), Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp (đối với các đơn vị trực thuộc địa phương) phân bổ và giao dự toán kinh phí ngân sách đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các đơn vị, đồng thời quyết định đặt hàng cho đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, chi tiết theo từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này; chi tiết theo số lượng, khối lượng, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền ban hành, kinh phí và các nội dung quy định khác.

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này hoặc đã được cấp có thẩm quyền ban hành, nhưng chưa có định mức kinh tế

- kỹ thuật và chưa có đơn giá được phê duyệt; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp phân bổ và giao dự toán nhiệm vụ và kinh phí cho đơn vị theo số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và dự toán theo chế độ quy định hiện hành như kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên.

3. Phân bổ và giao dự toán kinh phí chi thường xuyên năm đầu ổn định giao tự chủ cho các đơn vị từ nguồn thu phí được để lại chi theo pháp luật phí và lệ phí, bằng mức kinh phí chi thường xuyên theo phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dự toán các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định giao bằng mức chi thường xuyên năm trước liền kề và kinh phí tăng thêm nếu có (do tăng chế độ tiền lương, nhiệm vụ tăng thêm theo quyết định của cấp có thẩm quyền) hoặc trừ kinh phí giảm theo quy định của cấp có thẩm quyền nếu có (do giảm nhiệm vụ, giảm khác) trong phạm vi nguồn thu phí được để lại chi theo quy định.

Trường hợp đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí (không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác): Phân bổ và giao cả phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không bảo đảm đủ chi thường xuyên (nếu có).

4. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Cơ quan quản lý cấp trên phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho đơn vị trên cơ sở số lượng người làm việc (được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ) và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (hiện theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có). Việc giao dự toán chi thường xuyên ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

5. Đối với hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hoạt động dịch vụ khác: Đơn vị xây dựng dự toán thu, chi để thực hiện trong năm, cơ quan cấp trên không giao dự toán thu, chi cho đơn vị.

Điều 19. Thực hiện dự toán và quyết toán thu, chi

1. Thực hiện dự toán thu, chi

a) Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện dự toán thu, chi trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, sử dụng kinh phí ngân sách đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; chấp hành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Đối với dự toán chi thường xuyên, đơn vị được điều chỉnh các mục chi cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đồng thời gửi cơ quan cấp trên và

Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để theo dõi quản lý, thanh toán và quyết toán.

Đối với kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành, đơn vị thực hiện dự toán thu, chi như đối với nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định; không được sử dụng để trích lập các quỹ của đơn vị.

b) Cuối năm ngân sách, dự toán chi thường xuyên từ các nguồn tài chính giao tự chủ chưa sử dụng hết, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Đối với kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Khi kết thúc đặt hàng, giao nhiệm vụ, cơ quan quản lý cấp trên nghiệm thu sản phẩm không đạt yêu cầu hoặc không thực hiện đủ theo số lượng, khối lượng dịch vụ công được đặt hàng, giao nhiệm vụ, mà nhiệm vụ đó không thực hiện tiếp năm sau hoặc vì lý do khách quan phải dừng thực hiện, kinh phí còn dư đơn vị hủy dự toán hoặc nộp trả ngân sách nhà nước, không chuyển sang năm sau để sử dụng cho nhiệm vụ khác.

2. Hạch toán kế toán: Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện hạch toán thu, chi theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục chi của mục lục ngân sách theo quy định hiện hành.

3. Quyết toán thu, chi: Kết thúc năm ngân sách, các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện khóa sổ kế toán, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

Điều 20. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu, chi của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Kho bạc Nhà nước các cấp:

a) Đối với các khoản chi thường xuyên và chi nhiệm vụ không thường xuyên hoạt động sự nghiệp thực hiện kiểm soát chi theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và hướng dẫn tại Thông tư này; đối với chi đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư công và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác chưa có Quyết định giao quyền tự chủ của cơ quan có thẩm quyền; chưa có quy chế chi tiêu nội bộ gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch; chưa có danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc đã có danh mục dịch vụ sự nghiệp công nhưng chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành; Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát chi, thanh toán theo chế độ quy định hiện hành như kiểm soát chi nhiệm vụ không thường xuyên; không thanh toán để trích lập các quỹ của đơn vị.

2. Trong quá trình thực hiện quyền tự chủ tài chính, các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có trách nhiệm tự kiểm tra tình hình thực hiện ở đơn vị mình và thực hiện các quy định về thanh tra, kiểm toán, kiểm tra theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp, các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện việc kiểm tra hoạt động thu, chi của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

1. Đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính; lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Căn cứ phương án tự chủ tài chính do đơn vị đề xuất, cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp phương án phân loại mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị trực thuộc và dự toán thu, chi của các đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định; cụ thể:

a) Đối với các đơn vị trực thuộc Trung ương:

- Các Bộ, cơ quan trung ương xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định; trong đó xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ (theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này); dự kiến phân loại các đơn vị trực thuộc theo mức độ tự chủ tài chính, tổng hợp phương án phân loại và dự toán thu, chi của các đơn vị, gửi Bộ Tài chính (theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

- Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến bằng văn bản về việc phân loại đơn vị theo mức độ tự chủ tài chính; kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ, theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương.

- Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp ra quyết định giao quyền tự chủ cho đơn vị, trong đó xác định phân loại đơn vị và phê duyệt dự toán kinh phí theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này cho các đơn vị năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ (theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Đối với các đơn vị trực thuộc địa phương:

- Cơ quan chủ quản ở địa phương xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định; trong đó xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ (theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này); dự kiến phân loại các đơn vị trực thuộc theo mức độ tự chủ tài chính, tổng hợp phương án phân loại và dự toán thu, chi của các đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp (theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

- Cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, có ý kiến bằng văn bản về việc phân loại đơn vị theo mức độ tự chủ tài chính; kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ, theo đề nghị của cơ quan chủ quản.

- Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan chủ quản ở địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp mình (hoặc quyết định nếu được phân cấp) quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc, trong đó xác định phân loại đơn vị và phê duyệt dự toán kinh phí theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này cho các đơn vị năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ (theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Về xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ:

- Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí (không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác) do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (nếu có).

- Ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ đối với trường hợp tại thời điểm thẩm định phương án tự chủ cho đơn vị (cùng với thời gian phân bổ và giao dự toán) xác định được nhiệm vụ và kinh phí đặt hàng, cơ quan chủ quản xác định kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị năm đầu thời kỳ ổn định. Trường hợp nhiệm vụ đặt hàng không nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc đơn giá đặt hàng không theo đúng đơn giá được ban hành, cơ quan tài chính yêu cầu cơ quan chủ quản điều chỉnh lại kinh phí đặt hàng theo quy định.

- Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Giao dự toán thu, chi thường xuyên hai 2 năm tiếp theo của thời kỳ ổn định: Hàng năm, trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị, cơ quan chủ quản quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị theo quy định tại Điều 18 của

Thông tư này. Trong đó, đối với dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo số lượng, khối lượng, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc dự toán chi theo chế độ quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

4. Khi rà soát phương án tự chủ, trường hợp đơn vị không có nguồn thu để bảo đảm chi thường xuyên, các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sắp xếp tổ chức lại, giải thể các đơn vị hoặc chuyển đổi các đơn vị sang đơn vị ngoài công lập, doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị được ổn định trong thời gian 3 năm. Năm cuối của thời kỳ ổn định, các đơn vị báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ trong 3 năm. Căn cứ vào kết quả thực hiện của thời kỳ trước, nhiệm vụ của năm kế hoạch và thời kỳ tiếp theo, các đơn vị xây dựng phương án tự chủ của thời kỳ ổn định tiếp theo, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét cùng với thời gian lập dự toán ngân sách của năm kế hoạch.

Trường hợp đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức độ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên, đơn vị xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trình tự xem xét, phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 21 Thông tư này.

Điều 22. Chế độ báo cáo hàng năm

1. Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác thực hiện chế độ tự chủ định kỳ hàng năm phải báo cáo về kết quả thực hiện chế độ tự chủ cho cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp trước ngày 28 tháng 2 năm sau (theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

Đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc địa phương quản lý, định kỳ hàng năm phải báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp về kết quả thực hiện chế độ tự chủ và báo cáo gửi Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 2 năm sau để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác, gửi báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 3 của năm sau (theo Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ) nếu còn trong giai đoạn ổn định thì năm 2018

chuyển sang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác đã được giao quyền tự chủ giai đoạn 2017- 2019 theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm 2018 đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức độ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên, đơn vị xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Thông tư này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Số dư quỹ dự phòng ổn định thu nhập đã trích lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, nếu còn dư đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được chuyển vào Quỹ bổ sung thu nhập của đơn vị.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2018 và được áp dụng thực hiện phương án tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác từ năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Nơi nhận:
- VP Tổng Bí thư; VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TC, KBNN, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ TC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN. (500b)

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính).

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG XÂY DỰNG QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC

Bản nội dung quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác lập có các nội dung chính sau:

1. Mục đích xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị,

- Tạo quyền chủ động cho cán bộ, viên chức trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Là căn cứ để Kho bạc Nhà nước quản lý, kiểm soát thanh toán các khoản chi tiêu của đơn vị qua Kho bạc Nhà nước và để các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo dõi, kiểm tra theo quy định.

- Sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Công bằng trong đơn vị; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

2. Nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

Các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ một số khoản chi sau:

(1) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

- Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Đối với các nội dung chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Riêng đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

(2) Chi công tác phí, hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Thủ trưởng đơn vị sau khi thống nhất trong đơn vị xây dựng quy chế quản lý và mức thanh toán công tác phí cho cán bộ, viên chức và người lao động đi công tác theo một trong hai hình thức sau:

- Thực hiện theo các nội dung quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên; riêng đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn theo quy định.

- Căn cứ tính chất công việc, mức sử dụng của các năm trước, tùy theo từng đối tượng cụ thể đơn vị xây dựng mức khoán công tác phí tháng hoặc chuyến (bao gồm tiền chi phí đi lại; phụ cấp lưu trú; tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác; chi phí khác nếu có).

Căn cứ tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; Thủ trưởng đơn vị xây dựng quy chế cho cán bộ, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hoả, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Xây dựng quy chế khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác; khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác; khoán tiền công tác phí theo tháng cho cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Chứng từ để thanh toán công tác phí cho cán bộ viên chức đi công tác là: Giấy đi đường của người đi công tác có ký duyệt của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ đi công tác và có đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú); hóa đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đi công tác bằng các phương tiện giao thông hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; hóa đơn, chứng từ thanh toán khác theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC nêu trên.

(3) Chi tiêu hội nghị và tiếp khách:

Căn cứ vào chế độ hiện hành của Nhà nước, đơn vị quy định mức chi hội nghị do đơn vị tổ chức; quy định cụ thể đối tượng và mức chi tiếp khách đến giao dịch với đơn vị.

(4) Sử dụng văn phòng phẩm:

Căn cứ mức sử dụng văn phòng phẩm của từng cán bộ, viên chức hoặc từng phòng, ban, bộ phận (bút viết, giấy in, giấy phô tô, mực in, mực phôtôcopy, cặp đựng tài liệu...) của các năm trước, đơn vị có thể xây dựng mức khoán bằng hiện vật cho từng cá nhân, phòng, ban, bộ phận hoặc khoán bằng tiền trên cơ sở mức khoán bằng hiện vật.

(5) Về sử dụng điện thoại:

- Về sử dụng điện thoại tại công sở: Căn cứ thực tế sử dụng điện thoại tại cơ quan trong các năm trước đơn vị xây dựng mức khoán kinh phí thanh toán cước phí sử dụng điện thoại đơn vị phù hợp với từng phòng, ban, bộ phận...

- Về sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động: Tiêu chuẩn trang bị điện thoại và chi phí mua máy điện thoại, chi phí lắp đặt và hòa mạng đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng mức thanh toán tiền cước phí điện thoại, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, chi phí điện thoại có thể xây dựng mức cao hơn hoặc thấp hơn so với quy định.

Đối với trường hợp không đủ tiêu chuẩn trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động theo quy định trên, nhưng trong thực tế xét thấy cần thiết phải trang bị để phục vụ công việc chung thì Thủ trưởng đơn vị được mở rộng đối tượng được cấp tiền để thanh toán tiền cước phí sử dụng điện thoại cho phù hợp (riêng tiền mua máy, chi phí lắp đặt và hòa mạng máy do cá nhân phải tự thanh toán).

(6) Về sử dụng điện trong cơ quan:

Đơn vị xây dựng quy chế quy định về việc sử dụng điều hòa nhiệt độ, điện thắp sáng trong cơ quan; không sử dụng điện phục vụ cho nhu cầu cá nhân.

(7) Về sử dụng ô tô phục vụ công tác:

Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước, đơn vị xây dựng quy chế quy định cụ thể các đối tượng được sử dụng xe ô tô hiện có của đơn vị hoặc thuê xe dịch vụ, không sử dụng xe ô tô phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Quy định cụ thể việc xử lý đối với các trường hợp sử dụng xe ô tô không đúng quy định.

(8) Thanh toán các khoản chi phí nghiệp vụ chuyên môn:

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của mỗi lĩnh vực có đặc điểm riêng, trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi hiện hành, đơn vị xây dựng quy chế quản lý, thanh toán các khoản chi nghiệp vụ cho phù hợp khả năng nguồn tài chính và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

(9) Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các hoạt động dịch vụ khác:

Đơn vị sự nghiệp có hoạt động dịch vụ, xây dựng quy chế quản lý hoạt động dịch vụ theo nguyên tắc quản lý thống nhất; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về mọi mặt hoạt động thu, chi; mức thu.

Quy định việc sử dụng, quản lý tài sản của đơn vị cho hoạt động dịch vụ; duy tu và sửa chữa tài sản cố định dùng trong hoạt động dịch vụ; quy định nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị trực thuộc.

Đối với quản lý hoạt động dịch vụ, đơn vị có thể xây dựng quy chế khoán thu, khoán chi đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc nhưng phải bảo đảm đầy đủ chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật; quy định tỷ lệ trích nộp của đơn vị trực thuộc đối với đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chung và được tính vào chi phí của hoạt động dịch vụ của đơn vị trực thuộc, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với chi phí chung của đơn vị.

Khi xây dựng dự toán và trong quá trình hoạt động dịch vụ đơn vị phải xác định đầy đủ các yếu tố chi phí, bảo đảm nguyên tắc bù đắp được chi phí và có tích luỹ.

(10) Quy định mua sắm tài sản nhà nước tại đơn vị:

Quy định cụ thể việc mua sắm, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, thanh lý tài sản của đơn vị.

(11) Quy định trích lập và sử dụng các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi; Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Đối với Quỹ bổ sung thu nhập để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm:

Đơn vị xây dựng phương án chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm cho từng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng theo nhiệm vụ, kết quả công việc được giao, nguồn thu đem lại cho đơn vị hoặc theo bình bầu A, B, C, hoặc theo hệ số lương hoặc phương án khác.

Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác, người nào có hiệu quả công tác cao, có đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được hưởng cao hơn và ngược lại. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị.

(12) Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định.

(13) Các quy định khác (nếu có).

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Cơ quan quản lý cấp trên
Đơn vị...

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN ...

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp cấp III báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

- Căn cứ Quyết định số ... của cơ quan quản lý cấp trên quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Căn cứ Quyết định số ... của cơ quan quản lý cấp trên giao chỉ tiêu biên chế (nếu có);

- Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ của năm ..., chi tiết từng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ; đơn vị báo cáo phương án tự chủ giai đoạn... như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước (trường hợp đơn vị mới thành lập thì không phải đánh giá phần này).

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

Trong đó nêu rõ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền; số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng đầu năm/số được cấp có thẩm quyền giao; số thực hiện trong năm; tăng, giảm (báo cáo chi tiết theo từng năm).

Về nhiệm vụ được giao hàng năm (chi tiết từng năm): Kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành, nghiệm thu (chi tiết theo từng nhiệm vụ nêu trên).

2. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm)

- Về mức thu các khoản phí, lệ phí thu theo quy định của cấp có thẩm quyền; về đơn giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của cấp có thẩm quyền

ban hành; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định;

- Thu, chi thường xuyên.

- Chênh lệch thu, chi thường xuyên năm trích lập các quỹ.

- Về tổng thu nhập tăng thêm của đơn vị; thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong năm của đơn vị:... đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: . . . lần (theo từng năm); trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất... triệu đồng/tháng.

3. Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên; chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn kinh phí).

4. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

II. Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo

1. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng.

Trong đó nêu rõ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

Về nhiệm vụ được giao chi tiết từng nhiệm vụ được giao; trong đó nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN (kê chi tiết từng dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng, giao nhiệm vụ nếu có); nhiệm vụ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; nhiệm vụ thu phí, lệ phí...

2. Về mức thu phí, lệ phí; thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN; thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác.

3. Về dự kiến nguồn tài chính thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (theo biểu kèm theo):

- Nguồn tài chính chi thường xuyên.

- Chi thường xuyên theo nội dung chi và theo các nguồn thu.

- Dự kiến chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ và chi thu nhập tăng thêm (nếu có).

4. Dự toán nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn): Nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí); nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật; nguồn khác.

Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (báo cáo cả dự kiến nguồn thu, chi đầu tư).

5. Xác định mức độ tự chủ tài chính:

Căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị xác định phân loại đơn vị sự nghiệp là đơn vị... ; số kinh phí NSNN bảo đảm chi thường xuyên... triệu đồng (hoặc kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN nếu xác định được tại thời điểm báo cáo; kinh phí ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên (nếu có); kinh phí chi thường xuyên từ nguồn thu phí theo Luật Phí, lệ phí phần được để lại chi thường xuyên theo quy định, tùy theo từng loại hình đơn vị để xác định nguồn kinh phí cho phù hợp).

(Các Biểu số liệu báo cáo kèm theo)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 2

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)
NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm	Thực hiện năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
		1	2	3	4	5
A	**Nguồn thu, chi thường xuyên**					
I	***Nguồn thu***					
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:					
a	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
b	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
4	NSNN cấp chi thường xuyên bộ máy trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)					
5	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)					
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)					

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm	Thực hiện năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
		1	2	3	4	5
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)					
II	***Chi thường xuyên (=II.1 =II.2)***					
II.1	***Chi thường xuyên theo nội dung chi, gồm***					
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công					
3	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí					
4	Trích khấu hao tài sản cố định					
5	Chi quản lý					
6	Chi thường xuyên khác					
7	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên					
II.2	***Chi thường xuyên theo các nguồn thu:***					
1	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
4	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
5	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (phần để lại chi thường xuyên)					
	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm					

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm	Thực hiện năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
		1	2	3	4	5
6	một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Chi hoạt động khác (nếu có)					
8	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giao nhiệm vụ (trong trường hợp chưa có danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
III	***Mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên (%)****					
	[= Mục I (1+2+3a+5+7)/Mục II.1]					
IV	***Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: Mục I – Mục II)***					
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự 8 mục I, mục II nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)					
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập					
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi					
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)					
V	***Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị***	Lần				
1	Dưới 01 lần lương					
2	Từ 1 lần đến 2 lần lương					
3	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương					
4	Từ trên 3 lần lương					
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của đơn vị	Triệu đồng/tháng				

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm	Thực hiện năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
		1	2	3	4	5
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của đơn vị	Triệu đồng/tháng				
B	**Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên**					
	(Chi tiết theo từng nguồn kinh phí)					

Ghi chú: Biểu báo cáo nêu trên nội dung nào có số liệu mới phải báo cáo.

- Số thứ tự 2, 3 Mục I, số thứ tự 2, 3 Mục II.2, phần A về báo cáo nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Tại thời điểm lập báo cáo, năm nào có số liệu kinh phí mới báo cáo, năm nào chưa xác định được kinh phí đặt hàng thì đơn vị không phải báo cáo.

- Số thứ tự 2 Mục I, số thứ tự 2 Mục II.2, phần A: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí (gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định); đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí (gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý).

- Số thứ tự 3 Mục I, số thứ tự 3 Mục II.2, phần A: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí) báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí; ngân sách hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công.

- Mục III: Chỉ tính mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên cho năm đầu thời kỳ phân loại đơn vị ở cột 5.

- Biểu mẫu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 02 nêu trên là báo cáo chung; các đơn vị căn cứ nguồn thu, chi của từng loại hình đơn vị quy định từ Điều 12 đến Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, để báo cáo các nội dung ở Biểu 01 nêu trên.

Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 2

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá, Giá đặt hàng	Kinh phí NSNN đặt hàng/giao nhiệm vụ
		1	2	3	4
1	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)**				
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công ...				
	...				
2	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý)**				
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
	...				
3	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí**				
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
	...				
4	**Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công**				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá, Giá đặt hàng	Kinh phí NSNN đặt hàng/giao nhiệm vụ
		1	2	3	4
	quan có thẩm quyền ban hành)				
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
	...				

Ghi chú:
Số thứ tự 1: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo
Số thứ tự 2: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo.
Số thứ tự 3: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo.
Số thứ tự 4: Đơn vị báo cáo dịch vụ sự nghiệp công được giao nhiệm vụ chưa có định mức kinh tế -kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, cột 3 và cột 4 theo dự toán được phê duyệt.
Tại thời điểm lập báo cáo, chưa xác định được kinh phí NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đơn vị không phải báo cáo.

Biểu báo cáo 03 kèm theo Phụ lục số 2

KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
(Ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm ...	Thực hiện năm...	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
1	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí** (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công ...					
	...					
2	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí** (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	...					
3	**Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí**					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		Thực hiện năm ...	Thực hiện năm...	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước thực hiện	
	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
	...					
4	**Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công** (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	...					

Ghi chú:
Số thứ tự 1: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo.
Số thứ tự 2: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo.
Số thứ tự 3: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo.
Tại thời điểm lập báo cáo, năm nào chưa có kinh phí NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đơn vị không phải báo cáo.

Biểu báo cáo 04 kèm theo Phụ lục số 2

DỰ TOÁN THU, CHI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG, DỊCH VỤ KHÁC VÀ PHÍ, LỆ PHÍ NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn thu (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)					Nộp NSNN (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại, nếu có)					Số để lại chi (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)				
		TH năm...	TH năm...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại	TH năm...	TH năm ...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại	TH năm...	TH năm...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
				Dự toán	Ước TH				Dự toán	Ước TH				Dự toán	Ước TH	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	**Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác**															
	(chi tiết từng loại dịch vụ)															
	Dịch vụ...															
	Dịch vụ...															
	.....															
2	**Nguồn phí, lệ phí**															
	(chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)															
a	Tổng thu phí, lệ phí															
	Phí...															
	Phí...															
b	Tổng phí được để lại chi, chi tiết:															
	Chi thường xuyên															
	Chi nhiệm vụ không thường xuyên															

TT	Nội dung	Nguồn thu (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)					Nộp NSNN (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại, nếu có)					Số để lại chi (ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)				
		TH năm...	TH năm...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại	TH năm...	TH năm ...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại	TH năm...	TH năm...	Năm trước liền kề		Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
				Dự toán	Ước TH				Dự toán	Ước TH				Dự toán	Ước TH	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	**Nguồn thu hoạt động khác (nếu có)**															
	(Chi tiết từng hoạt động)															
	Hoạt động...															
	...															

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN...

BÁO CÁO
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ DỰ TOÁN THU, CHI CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN.....

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước

1. Đánh giá chung: Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2. Đánh giá cụ thể:

a) Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc (chi tiết theo từng năm).

b) Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác như về mức thu các khoản phí, lệ phí thu; các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; đơn giá nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng; tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị...

c) Về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc (*theo số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo)*

Tổng số các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác: ..... đơn vị

Trong đó: Số lượng các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được giao tự chủ: ..... đơn vị, gồm:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: .... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: .... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ..... đơn vị
- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ..... đơn vị.

d) Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm)

- Nguồn thu, chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn thu, nội dung chi)

- Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích các quỹ).

- Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động: Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần lương: ....đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 lần - 2 lần lương: .... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương: .... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương: .... đơn vị. Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là ..... đồng/tháng (tên đơn vị). Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là ..... đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên.

e) Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

II. Đề xuất phương án phân loại tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác giai đoạn tiếp theo

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên (chi tiết các nguồn).

2. Chi thường xuyên (chi tiết nội dung chi và theo nguồn tài chính).

3. Đề xuất phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác:

Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác giao tự chủ tài chính giai đoạn tiếp theo: ..... đơn vị, gồm:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: .... đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: .... đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ..... đơn vị.

- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ..... đơn vị.

(số liệu báo cáo kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(Ký tên)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 3

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		TH năm	TH năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước TH	
A	**Nguồn thu, chi thường xuyên**					
I	***Nguồn thu***					
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:					
a	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
b	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
4	NSNN cấp chi thường xuyên bộ máy trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)					
5	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)					
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ					

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		TH năm	TH năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước TH	
	công, dịch vụ khác)					
7	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)					
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)					
II	***Chi thường xuyên (=II.1 =II.2)***					
II.1	***Chi thường xuyên theo nội dung chi, gồm:***					
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công					
3	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí					
4	Trích khấu hao tài sản cố định					
5	Chi quản lý					
6	Chi thường xuyên khác					
7	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên					
II.2	***Chi thường xuyên theo các nguồn thu:***					
1	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
4	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
5	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (phần để lại chi thường xuyên)					
	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo					

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại
		TH năm	TH năm	Năm trước liền kề		
				Dự toán	Ước TH	
6	đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Chi hoạt động khác (nếu có)					
8	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giao nhiệm vụ (trong trường hợp chưa có danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
III	***Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: I - II)***					
	(Không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự 8 mục I, II nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)					
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập					
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi					
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)					
B	**Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên**					
	(Chi tiết theo từng nguồn kinh phí)					

Ghi chú: Biểu báo cáo nêu trên nội dung nào có số liệu mới phải báo cáo; năm đầu thời kỳ ổn định phân loại nếu chưa dự kiến được trích lập các quỹ thì không phải báo cáo.

CƠ QUAN...

Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 3

BIỂU TỔNG HỢP THU, CHI VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN....

(Dùng cho: Đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	Số đơn vị dự kiến giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn...	Tổng số cán bộ, viên chức thực hiện năm trước liền kề (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên)	Tổng số cán bộ, viên chức dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên)	Thực hiện năm trước liền kề																	
						Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên							
						Tổng số	Nguồn thu hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần từ nguồn thu phí để lại chi)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá)	Tổng số	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Trích khấu hao TSCĐ	Chi quản lý	Chi thường xuyên khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá)
									Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng số																						
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																						
1	Đơn vị																						
2	Đơn vị																						
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																						
1	Đơn vị																						
2	Đơn vị																						
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																						
1	Đơn vị																						
2	Đơn vị																						
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																						
1	Đơn vị																						
2	Đơn vị																						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí ở cột 18 và cột 36 không tính chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương ghi ở cột 16 và cột 34; trích khấu hao TSCĐ ở cột 19
- Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định: ghi ở cột 16, cột 34.
- Trích khấu hao tài sản cố định từ nguồn thu phí được để lại chi theo quy định: ghi ở cột 19, cột 37.
- Cột 7 và cột 25: Ghi cho đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.
- Cột 8, 9, 26, 27: Ghi cho đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- Cột 14, 22, 32, 40: Ghi cho đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có danh mục, nhưng chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cấp có thẩm quyền ban hành, theo dự toán được phê duyệt và chi như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên.
- Tùy từng loại hình đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có nguồn thu nào mới ghi vào cột tương ứng ở biểu trên.
- **Cột 41: Chỉ tính các nguồn thu, chi thường xuyên theo từng loại hình đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác, để xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của từng đơn vị. Đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên không có nguồn thu thì ghi rõ là đơn vị được NSNN cấp chi thường xuyên (theo số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt).**

Số TT	Tên đơn vị	Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn tiếp theo																		
		Nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên								Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)
		Tổng số	Nguồn thu hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần từ nguồn thu phí để lại chi)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)	Tổng số	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Trích khấu hao tài sản cố định	Chi quản lý	Chi thường xuyên khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	
					Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công														
		23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41=
	Tổng số																			
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																			
1	Đơn vị																			
2	Đơn vị																			
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																			
1	Đơn vị																			
2	Đơn vị																			
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																			
1	Đơn vị																			
2	Đơn vị																			
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																			
1	Đơn vị																			
2	Đơn vị																			

Biểu báo cáo 03 kèm theo Phụ lục số 3

BIỂU TỔNG HỢP THU, CHI THEO NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
NĂM ĐẦU THỜI KỲ ỔN ĐỊNH GIAI ĐOẠN ....

(Dùng cho: Đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Thực hiện năm trước liền kề																			
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên									
		Tổng số	Nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ
					Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =(2+3+4+5+6+7+8+9) - (12+13+14+15+16+17+18)
	Tổng số																				
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				

Số TT	Tên đơn vị	Thực hiện năm trước liền kề																			
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên									Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ
		Tổng số	Nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	
					Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =(2+3+4+5+6+7+8+9) - (12+13+14+15+16+17+18)
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

*** Ghi chú: Tùy từng loại hình đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có nguồn thu nào mới ghi vào cột tương ứng ở biểu trên.**

Số TT	Tên đơn vị	Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn tiếp theo																			
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên									Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ
		Tổng số	Nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu	
					Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công															
		21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40=(22+23+24+25+26+27+28+29) - (32+33+34+35+36+37+38)
	Tổng số																				
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				

Số TT	Tên đơn vị	Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn tiếp theo																			
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên										Chi thường xuyên									Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ
		Tổng số	Nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu	
					Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công															
		21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40=(22+23+24+25+26+27+28+29) - (32+33+34+35+36+37+38)
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																				
1	Đơn vị …….																				
2	Đơn vị …….																				
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																				
1	Đơn vị …….																				
2	Đơn vị …….																				

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN Số : /	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	.....Ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC

BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP HOẶC CƠ QUAN CẤP DƯỚI THEO PHÂN CẤP...

- Căn cứ Nghị định (Quyết định) số .....ngày .... của ... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ...

- Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ;

- Căn cứ vào ý kiến của (Cơ quan Tài chính...) tại văn bản số ... ngày / / về phân loại đơn vị sự nghiệp và mức ngân sách nhà nước cấp...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị...

Điều 2: Đơn vị được phân loại là đơn vị ...;

Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định ... của đơn vị là ... đồng (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường

xuyên, trường hợp tại thời điểm quyết định giao quyền tự chủ tài chính xác định được kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ); kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên nếu có (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác); nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên.

Điều 3: Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên, đặt hàng, giao nhiệm vụ, nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định nêu trên; Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan TC cùng cấp;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu VT, ...

Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Cơ quan quản lý cấp trên **Đơn vị: . . .**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tăng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.. . . người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp, thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí, lệ phí: thu theo quyết định số...

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể.

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...

- Thu khác (nếu có).

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu)

+ Dự toán thu: .... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu: Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, hoạt động dịch vụ khác; nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu phí để lại chi thường xuyên; nguồn NSNN cấp chi thường xuyên theo số lượng người làm việc...)

+ Số thực hiện: .... triệu đồng (kê chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên).

- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

+ Dự toán chi... triệu đồng

+ Số thực hiện....triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): ..... triệu đồng, trong đó chi tiết từng quỹ.

Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: ....triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị:... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: . . . lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: . . . triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: . . . triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng (chi tiết theo từng khoản vay): Số vốn vay ... triệu đồng; số đã trả nợ vay.... triệu đồng; mục đích vay vốn.

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị (chi tiết theo từng khoản huy động vốn): Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ vay... triệu đồng; mục đích huy động vốn.

- Giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động...

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

7. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

	. . . Ngày . . . tháng . . . năm. . .
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

Biểu báo cáo kèm theo Phụ lục số 5

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM ...

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	**Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị**	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
II	**Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp**	Triệu đồng			
III	**Nguồn tài chính**	Triệu đồng			
A	***Nguồn thu, chi thường xuyên***				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí*				
c	Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:				
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công				
d	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)				
h	Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
2	Chi thường xuyên				
a	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác				
b	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí				
c	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí				
d	Chi thường xuyên ngân sách cấp trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)				
đ	Chi từ nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định				
e	Chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
g	Chi hoạt động khác (nếu có)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
h	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)				
3	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = 1 - 2)				
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự điểm h mục 1, 2 nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)				
	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
	Trích Quỹ khác (nếu có)				
4	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Dưới 01 lần lương				
	Từ 1 lần đến 2 lần lương				
	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương				
	Từ trên 3 lần lương				
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	***Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên***				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)				
IV	**Về vay vốn, huy động vốn**	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm b.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Bộ Tài chính)

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm:... người (trong đó: số cán bộ, viên chức...người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm:.. . . người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng và tình hình tinh giản biên chế trong các đơn vị.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý trong các đơn vị (nếu có).

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của các đơn vị...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN; đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác

- Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác:..... đơn vị.

- Số đơn vị đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ ..... đơn vị, trong đó:

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: .... đơn vị.

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: .... đơn vị.

+ Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ..... đơn vị.

+ Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ..... đơn vị.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số..... ; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định; đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công...

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên (bao gồm số nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác).

c) Phân phối kết quả tài chính (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các Quỹ):... triệu đồng.

Sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; quỹ khác nếu có), cụ thể:

Số dư đầu năm... triệu đồng; số trích trong năm ... triệu đồng; số chi quỹ trong năm... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau... triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần lương: . . . đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần lương: . . . đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương: . . . đơn vị.

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương trở lên: . . . . đơn vị.

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là ... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là ... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ...../Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ %).

Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Số đơn vị có chênh lệnh thu lớn hơn chi thường xuyên:....đơn vị/ so với tổng số đơn vị giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ ... %)

Số chênh lệnh thu lớn hơn chi thường xuyên .... triệu đồng. Các giải pháp tiết kiệm chi, tăng thu.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng:

Số đơn vị vay vốn: .... đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn vay... triệu đồng; số đã trả nợ vay .... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn vay cao nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

Đơn vị có số vốn vay thấp nhất... triệu đồng, mục đích vay vốn (tên đơn vị).

- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị:

Số đơn vị có huy động vốn:...đơn vị/tổng số đơn vị được giao tự chủ tài chính.

Số vốn huy động... triệu đồng; số đã trả nợ ... triệu đồng.

Đơn vị có số vốn huy động cao nhất .... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị)

Đơn vị có vốn huy động thấp nhất ... triệu đồng, mục đích huy động vốn (tên đơn vị).

- Các giải pháp, phương án tài chính vay vốn, huy động vốn; trả nợ vay, trả nợ tiền huy động vốn; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên.

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

6. Đề xuất, kiến nghị.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo)

. . . Ngày . . . tháng . . . năm. . .

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6

CƠ QUAN ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày ..... tháng..... năm....

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được giao tự chủ tài chính theo NĐ số 141/2016/NĐ-CP	Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên): người	Trong đó		Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (triệu đồng)									
					Số lượng cán bộ, viên chức (người)	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)		Tổng số	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí		Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số																
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**																
1	Đơn vị																
2	Đơn vị																
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**																
1	Đơn vị																
2	Đơn vị																
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																
1	Đơn vị																
2	Đơn vị																
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																
1	Đơn vị																
2	Đơn vị																

* Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN ...

Số TT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (triệu đồng)									Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)				
		Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Chênh lệch thu chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)
		17	18	19	20	21	22	23	24	25	26=(8+0+10+11+12+13+14+15)-(18+19+20+21+22+23+24) =27+28+29+30	27	28	29	30
	Tổng số														
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**														
1	Đơn vị														
2	Đơn vị														
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**														
1	Đơn vị														
2	Đơn vị														
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**														
1	Đơn vị														
2	Đơn vị														
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**														
1	Đơn vị														
2	Đơn vị														

* Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm.

CƠ QUAN ...

Số TT	Tên đơn vị	Thu nhập tăng thêm							Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (triệu đồng)		Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)			
		Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (triệu đồng)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (lần/đơn vị)				Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (triệu đồng/tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (triệu đồng/tháng)	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho cán bộ, viên chức
		31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43
	Tổng số													
I	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư**													
1	Đơn vị													
2	Đơn vị													
II	**Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên**													
1	Đơn vị													
2	Đơn vị													
III	**Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**													
1	Đơn vị													
2	Đơn vị													
IV	**Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**													
1	Đơn vị													
2	Đơn vị													

* Các chỉ tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm.